

MÔN: TIẾNG ANH*Thời gian làm bài: 60 phút (không kể thời gian giao đề)**Đề thi có 02 trang.*

Chú ý: Thí sinh làm bài vào tờ giấy thi, không làm bài trực tiếp vào đề thi này.

I. Chọn một phương án A, B, C hoặc D ứng với từ có phần gạch chân được phát âm khác với các từ còn lại. (1 điểm)

- | | | | |
|---------------|-------------|------------|------------------|
| 1. A. pancake | B. surface | C. paper | D. late |
| 2. A. closed | B. walked | C. washed | D. matched |
| 3. A. weather | B. although | C. healthy | D. without |
| 4. A. hobbies | B. bags | C. groups | D. organizations |

II. Chọn một phương án đúng A, B, C hoặc D ứng với từ hoặc cụm từ thích hợp để hoàn thành các câu sau. (3 điểm)

- Unless he _____ hard, he _____ the final exam.
A. studies/ won't pass B. studies/ will pass
C. doesn't study/ will pass D. doesn't study/ won't pass
- The heavy rain has caused _____ in many parts of the country.
A. typhoons B. storms C. droughts D. floods
- When his parents died, his grandmother _____ him.
A. looked after B. turned on C. looked into D. took care
- Tom and Mary took these photographs _____.
A. himself B. herself C. themselves D. ourselves
- The police come to the site of the accident, _____?
A. do they B. don't they C. does he D. doesn't he
- I can't speak English _____ my partners.
A. worst than B. as well as C. as good as D. best as
- What a _____!
A. new small nice house B. nice small new house
C. new nice house, that is small D. new nice and small house
- Quang: "Shall we go out for some coffee tonight?" Minh: "_____."
A. That's right. I am B. Don't mention it C. Yes, we are D. That's a good idea
- The long journey in an _____ car made the little boy tired out.
A. air-condition B. air-conditioned C. air-conditioner D. air-conditioning
- Viet Nam is a country _____ exports a lot of rice.
A. who B. when C. which D. where
- _____ the weather was fine, we postponed the flight to Bahamas.
A. Because B. In spite of C. Although D. Unless
- When he had to wait a long time to be served, he started to feel _____.
A. impatient B. patient C. patiently D. impatiently

III. Tìm một lỗi sai trong bốn phần gạch chân A, B, C hoặc D trong các câu sau. (1,0 điểm)

- The cost of life in London is higher than in most other parts of Britain.
A B C D
- John wishes he was a good doctor to save people.
A B C D
- We have to save energy because save energy is very necessary.

4. The girl was last saw wearing a pink dress and brown shoes.
A B C D

IV. Cho dạng đúng của các động từ trong ngoặc trong các câu sau. (1,0 điểm)

1. The post office isn't far from here. I (walk) _____ there many times.
2. Students are looking forward to (hear) _____ their exam result.
3. He (learn) _____ to swim when he was a child.
4. I used to (take) _____ to the zoo by my father when he had free time.

V. Viết dạng đúng của từ trong ngoặc để hoàn chỉnh câu. (1,0 điểm)

1. Money can't bring _____ and health. (**happy**)
2. You _____ gathered your things and ran to the bus stop. (**hurry**)
3. One of the most important _____ for Vietnamese people is Tet or the Lunar New Year holiday. (**celebrate**)
4. These shoes look very smart but they are terribly _____. (**comfort**)

VI. Chọn một phương án đúng (A, B, C hoặc D) để điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau. (1,0 điểm)

Last Saturday, Liz was very happy (1) _____ to Ba's family on a day trip to his home village about 60 kilometers to the north of Ha Noi. They left Ha Noi (2) _____ his home village very early on Sunday morning. It took them (3) _____ one hour and half to (4) _____ his village by bus. The village lies near the foot of a mountain and by a river. Liz felt very excited to have a great chance to travel between the green paddy fields and cross the bamboo forests. After a twenty-minute walk, they arrived at Ba's house and ate a big lunch with Ba's family members.

- | | | | |
|---------------------|--------------|----------------|--------------|
| 1. A. to be invited | B. to invite | C. to inviting | D. invited |
| 2. A. to | B. for | C. with | D. at |
| 3. A. near | B. nearby | C. nearly | D. more than |
| 4. A. visit | B. get | C. reach | D. arrive |

VII. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi. (1,0 điểm)

London, the capital of England and the United Kingdom, is located on the River Thames. It is one of the largest cities in Europe with a population of over eight million. London is divided into four parts: the City, Westminster, the West End, and the East End.

The City is small in area but it is the commercial heart of London. Many banks and offices are situated there. St. Paul's Cathedral in the City is very large and beautiful. It was designed in the late 17th century by Sir Christopher Wren, one of the most famous English architects, and was completed in 1710. If the City is called the commercial heart of London, Westminster is the center of the administration. We can see the Houses of Parliament there. The West End with the best and most expensive clubs, restaurants and theaters, beautiful houses and parks is the place where rich people live. Working people live in the East End, where there are no parks or gardens and no fine houses.

1. What is the population of London?
2. How many parts is London divided into?
3. In which part of London can we see the Houses of Parliament?
4. Do rich people live in the East End?

VIII. Hoàn chỉnh câu thứ hai sao cho không thay đổi nghĩa so với câu đã cho. (1,0 điểm)

1. Jane doesn't know Tim's phone number, so she can't call him.
If Jane.....
2. Nam said to us "Where will you spend your holiday next year?"
Nam asked us.....
3. Mark is too young to stay at home alone at night.
Mark is not.....
4. The book was interesting to most children.
Most children

Ghi chú: Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm. Thí sinh không sử dụng bất cứ tài liệu gì, kể cả từ điển.

Họ và tên thí sinh: SBD:

HƯỚNG DẪN CHẤM KHẢO SÁT VÀO LỚP 10
MÔN: TIẾNG ANH

I. Chọn một phương án A, B, C hoặc D ứng với từ có phần gạch chân phát âm khác các từ còn lại trong các câu sau. (1,0 điểm)

1. B	2. A	3. C	4. C
------	------	------	------

0,25 điểm cho mỗi câu trả lời đúng.

II. Chọn một phương án đúng A, B, C hoặc D ứng với từ hoặc cụm từ thích hợp để hoàn thành các câu sau. (3,0 điểm)

1. A	2. D	3. A	4. C	5. B	6. B
7. B	8. D	9. B	10. C	11. C	12. A

0,25 điểm cho mỗi câu trả lời đúng

III. Tìm một lỗi sai trong bốn phần gạch chân A, B, C hoặc D trong các câu sau. (1,0 điểm)

1. A	2. B	3. C	4. B
------	------	------	------

0,25 điểm cho mỗi câu trả lời đúng.

IV. Cho dạng đúng của động từ trong ngoặc trong các câu sau. (1,0 điểm)

1. have walked	2. hearing	3. learnt/learned	4. be taken
----------------	------------	-------------------	-------------

0,25 điểm cho mỗi câu trả lời đúng.

V. Viết dạng đúng của từ trong ngoặc để hoàn chỉnh câu. (1,0 điểm)

1. happiness	2. hurriedly	3. celebrations	4. uncomfortable
--------------	--------------	-----------------	------------------

0,25 điểm cho mỗi câu trả lời đúng.

VI. Chọn một phương án đúng (A, B, C hoặc D) để điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau. (1,0 điểm)

1. A	2. B	3. C	4. C
------	------	------	------

- 0,25 điểm cho mỗi câu trả lời đúng.

VII. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi. (1,0 điểm)

1. (The population of London / Its population / It is) over eight million.

Or, London / It has a population of over eight million.

2. London / It is divided into four / 4 parts.

3. (We can see the Houses of Parliament) in Westminster.

4. No, they don't.

0,25 điểm cho mỗi câu trả lời đúng.

VIII. Hoàn chỉnh câu thứ hai sao cho không thay đổi nghĩa so với câu đã cho. (1,0 điểm)

1. If Jane knew Tim's phone number, she could / would call him.

2. Nam asked us where we would spend our holiday the following year.

3. Mark is not old enough to stay at home alone at night.

4. Most children were interested in the book.

(Nếu thí sinh có câu trả lời khác không có trong hướng dẫn chấm mà đúng thì vẫn cho điểm tối đa)